

**SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN TỬ DŨ**

**ĐỀ ÁN
QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN BỆNH VIỆN TỬ DŨ
ĐẾN NĂM 2020**

THÁNG 10 NĂM 2009

MỤC LỤC

A. CĂN CỨ PHÁP LÝ LẬP ĐỀ ÁN

B. NỘI DUNG

- I. Đặt vấn đề
- II. Quy hoạch phát triển bệnh viện Từ Dũ giai đoạn 2008 -2020
 1. Mục tiêu
 - 1.1 Mục tiêu chung
 - 1.2 Mục tiêu cụ thể
 2. Quy hoạch phát triển chuyên môn nghiệp vụ
 - 2.1 Hiện trạng
 - 2.2 Công tác phát triển ứng dụng kỹ thuật chuyên sâu
 - 2.3 Quy hoạch công tác khám chữa bệnh giai đoạn 2008-2020
 3. Quy hoạch về công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực
 - 3.1 Hiện trạng
 - 3.2 Quy hoạch giai đoạn 2008-2020
 4. Quy hoạch về công tác trang thiết bị y tế
 - 4.1 Hiện trạng
 - 4.2 Quy hoạch giai đoạn 2008-2020
 5. Quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng
 - 5.1 Hiện trạng
 - 5.2 Quy hoạch giai đoạn 2008-2020
- III. Giải pháp
 1. Giải pháp về quản lý, chỉ đạo, điều hành, kiện toàn tổ chức và nhân lực.
 2. Giải pháp về ứng dụng và phát triển khoa học kỹ thuật
 3. Giải pháp về đầu tư
 4. Giải pháp về cơ chế chính sách
- IV. Kiến nghị
- V. Kết luận

A. CĂN CỨ PHÁP LÝ LẬP ĐỀ ÁN

1. Căn cứ Luật Xây Dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003.
2. Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.
3. Căn cứ Quyết định số 06/2005/QĐ-BXD ngày 03/2/2005 của Bộ Xây Dựng về việc ban hành định mức chi phí quy hoạch xây dựng.
4. Căn cứ TCXDVN 365: 2007” Bệnh viện đa khoa – Hướng dẫn thiết kế “ thay thế TCVN 4470-1995 “Bệnh viện đa khoa – Hướng dẫn thiết kế “
5. Căn cứ TCXDVN 365: 2007” Bệnh viện đa khoa – Hướng dẫn thiết kế “ quy định các yêu cầu kỹ thuật khi thiết kế bệnh viện đa khoa, theo quy mô và phân cấp quản lý do Bộ Y tế quy định, được Bộ Xây dựng ban hành theo Quyết định số 18/QĐ- BXD ngày 15 tháng 5 năm 2007.
6. Căn cứ Quyết định số 165/2004/QĐ-UB ngày 02/7/2004 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở vật chất ngành y tế Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020.
7. Căn cứ công văn số 1560/SYT-KHTH ngày 12/4/2005 của Sở Y tế về việc xin chủ trương lập quy hoạch phát triển bệnh viện Từ Dũ đến năm 2020.
8. Căn cứ công văn số 662/SYT-KHTH ngày 31/1/2007 của Sở Y tế về việc thực hiện quy hoạch cơ sở vật chất đơn vị đến năm 2020.
9. Căn cứ văn bản số 3043/SQHKT-QHC&HT ngày 7/8/2007 ý kiến của Sở Quy hoạch kiến trúc về đề án quy hoạch phát triển Bệnh viện Từ Dũ đến năm 2020.
10. Căn cứ công văn số 4561/TB-SQHKT ngày 7/11/2007 của Sở Quy hoạch kiến trúc về việc hướng dẫn thành phần hồ sơ thẩm định quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 và 1/500 nộp tại Sở Quy hoạch kiến trúc.
11. Căn cứ văn bản số 4055/KHĐT-VX ngày 16/7/2007 của Sở Kế Hoạch và Đầu Tư về đề án quy hoạch phát triển Bệnh viện Từ Dũ đến năm 2020.
12. Căn cứ công văn số 1004/SYT-KHTH ngày 04 tháng 03 năm 2008 của Sở Y Tế về việc đề án quy hoạch phát triển bệnh viện Từ Dũ đến năm 2020.
13. Căn cứ văn bản số 4442/SYT-KHTH ngày 14 tháng 8 năm 2009 về chủ trương thực hiện dự án xây mới Trung tâm chẩn đoán tiền sản và Khu điều trị ban ngày của bệnh viện Từ Dũ.

B.NỘI DUNG:

I. Đặt vấn đề:

Với chức năng nhiệm vụ là bệnh viện chuyên ngành về Sản Phụ khoa, qua hơn 70 năm hình thành và phát triển đến nay bệnh viện Từ Dũ đã trở thành bệnh viện

chuyên khoa loại 1 được Bộ Y tế giao nhiệm vụ chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ cho 32 tỉnh và thành phố phía Nam, từ Đà Nẵng đến Cà Mau.

Là thành viên của Trung tâm y tế chuyên sâu thành phố Hồ Chí Minh, song song với nhiệm vụ triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe sản phụ khoa thông thường, bệnh viện đã luôn nỗ lực mạnh dạn đầu tư phát triển nhiều kỹ thuật sâu bằng các nguồn kinh phí cho phép và cũng là nơi đầu tiên áp dụng các thành tựu mới trong lĩnh vực sản phụ - phụ khoa ở Việt Nam mang lại nhiều kết quả có ý nghĩa cho sự phát triển của xã hội:

- Phẫu thuật nội soi sản phụ khoa
- Siêu âm trong sản phụ khoa
- Phục hồi chức năng trẻ sơ sinh trong bệnh viện Sản

- Hỗ trợ sinh sản (thụ tinh trong ống nghiệm) thành công với 3 bé đầu tiên ra đời vào ngày 30/4/1998. Đến ngày 30/7/2008 đã có 3.264 cháu ra đời bằng phương pháp thụ tinh trong ống nghiệm.

- Nuôi sống trẻ sơ sinh non tháng bằng phương pháp Kangaroo.
- Chẩn đoán tiền sản, xét nghiệm di truyền.

Bên cạnh công tác phát triển các chuyên khoa sâu, bệnh viện luôn duy trì đầy mạnh việc tiếp nhận và chuyển giao tri thức, công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực sản phụ khoa và sơ sinh nhằm giảm tỷ lệ tử vong, tai biến cho mẹ và sơ sinh tại 32 tỉnh thành phía Nam, các tỉnh phía Bắc như Hải Dương, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Hải Phòng, Thái Bình..., và các quốc gia lân cận (Lào, Campuchia, Myanmar...); Là địa chỉ thực tập chuyên môn cho sinh viên và bác sĩ trẻ đến từ các nước Pháp, Đức, Thụy Sĩ, Úc...

Hàng năm bệnh viện đã tổ chức thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước, cấp Bộ và cấp cơ sở nhằm ứng dụng những tiến bộ khoa học về y học phục vụ cho công tác chuyên môn.

Phát huy truyền thống tốt đẹp qua nhiều thế hệ, bệnh viện đã luôn phấn đấu để giữ vững thành tích đạt được và nhận được nhiều danh hiệu cao quý như :

- Đảng bộ trong sạch vững mạnh liên tục từ năm 1980 đến nay.
- Huân chương Lao Động hạng Ba (1982), Nhì (1985), Nhất (1989)
- Được Nhà nước hai lần phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động lần 1(1985), lần 2(2002)
- Huân chương Độc lập hạng Ba (1998), hạng Hai (2001)
- Tập thể nữ Bệnh viện được tặng Giải thưởng KOVALEVSKAIA (1998)

Tuy nhiên bên cạnh những thành tựu đạt được nêu trên, bệnh viện cũng còn có một số thách thức lớn như: Việt Nam đã hội nhập với thế giới, tiêu chuẩn về cơ sở vật

chất ngày càng phải đúng qui chuẩn, bệnh viện cần phải trang bị thêm các thiết bị hiện đại, xây dựng thêm hạ tầng để đáp ứng nhu cầu phát triển chuyên môn kỹ thuật và phục vụ phòng bệnh. Y học thế giới ngày càng phát triển nhất là các kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, phẫu thuật thẩm mỹ, các can thiệp ít sang chấn đến người bệnh.

Tóm lại, với trách nhiệm vai trò của một bệnh viện đầu ngành trong lĩnh vực sản phụ khoa, và để luôn xứng đáng với sự tin nhiệm của Bộ Y tế, Ủy Ban Nhân dân thành phố, Sở Y tế và người dân đến khám chữa bệnh, bệnh viện Từ Dũ sẽ tiếp tục nỗ lực củng cố hoàn thiện nhiều hơn nữa trên những kết quả đạt được đồng thời xây dựng Đề án quy hoạch phát triển bệnh viện giai đoạn 2008 – 2020 làm cơ sở cho việc phát triển toàn diện và bền vững tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật góp phần tích cực vào việc phục vụ tốt nhất cho công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

II. Quy hoạch phát triển bệnh viện Từ Dũ giai đoạn 2008 -2020

1. Mục tiêu

1.1 Mục tiêu chung

Quy hoạch và xây dựng bệnh viện Từ Dũ thành bệnh viện chuyên khoa Sản - Nhi hiện đại với 1200 giường, phát triển một cách hợp lý, phù hợp với xu thế phát triển của thành viên y tế chuyên sâu đã được Chính phủ phê duyệt theo quyết định 139-TTG về Chương trình xây dựng Trung tâm y tế chuyên sâu thành phố Hồ Chí Minh ngày 07 tháng 03 năm 1997.

Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, con người nhằm nâng cao chất lượng khám chẩn đoán điều trị ở tất cả các chuyên khoa trong lĩnh vực khám chẩn đoán và điều trị y học cơ bản song song với việc phát triển y tế chuyên sâu phấn đấu đến năm 2020 bệnh viện Từ Dũ trở thành một bệnh viện có cơ sở vật chất ngang tầm với các nước trong khu vực và trình độ kỹ thuật nghiệp vụ tiên tiến trên thế giới.

1.2 Mục tiêu cụ thể

Phát triển thành bệnh viện Sản -Nhi hiện đại với các chuyên khoa sâu về: Điều trị vô sinh - hiếm muộn, phẫu thuật nội soi, cấp cứu sơ sinh trẻ sinh cực non, di truyền tế bào, ung thư phụ khoa, chẩn đoán hình ảnh cao cấp, xạ trị, ngân hàng máu cuống rốn.

Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh về cơ sở vật chất bao gồm các khoa phòng nghiệp vụ chuyên môn, trang thiết bị, labo xét nghiệm, kho lưu trữ... đạt theo tiêu chuẩn ngành về thiết kế theo quy định của Bộ Y tế.

Dự kiến đến năm 2016 mở rộng đầu tư cơ sở 2 với quy mô 500 giường tại cụm y tế cửa ngõ phía Tây.

100% khoa chuyên môn có bác sĩ được thường xuyên đào tạo nâng cao về năng lực chuyên môn để đảm nhận tốt nhiệm vụ điều trị các bệnh thông thường bên cạnh ứng dụng kỹ thuật mới.

Phần đầu đào tạo nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn sau Đại học để đến năm 2020 bệnh viện Từ Dũ có đội ngũ cán bộ quản lý giỏi, một lực lượng thầy thuốc có chuyên môn nghiệp vụ và tay nghề cao. Có đủ cán bộ viên chức theo quy định tại TTLT 08/2007/TTLT- BYT- BNV ngày 05/6/2007.

Bảo đảm cung ứng đủ thuốc và có chất lượng, không để thiếu thuốc trong danh mục thuốc thiết yếu, hoá chất, sinh phẩm, thuốc đặc trị chuyên khoa.

2. Quy hoạch phát triển chuyên môn nghiệp vụ

2.1 Hiện trạng

Trong những năm qua bệnh viện Từ Dũ đã thực hiện vượt mức các chỉ tiêu về giường bệnh, hoạt động chuyên môn do Sở Y tế giao. Các chỉ tiêu về chỉ số giường bệnh, tổng số lượt bệnh nhân điều trị nội trú và ngoại trú đều cao so với năm 2006. Số giường bệnh nội trú thực hiện năm 2008 tăng 34% so với chỉ tiêu kế hoạch. Đặc biệt tổng số sanh và lượt khám chữa bệnh năm sau luôn cao hơn năm trước từ 7% đến 8%.

| <i>Nội dung</i> | <i>Năm 2006</i> | <i>Năm 2007</i> | <i>Năm 2008</i> |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| - Số giường bệnh nội trú | 1.541 | 1.585 | 1.609 |
| - Số giường bệnh ngoại trú | 2.843 | 3.118 | 3.208 |
| - TS lượt người điều trị nội trú | 86.794 | 91.092 | 95.798 |
| + <i>Bệnh nhân sản, phụ khoa</i> | 75.793 | 78.913 | 82.827 |
| + <i>Bệnh nhân nhi khoa</i> | 11.001 | 12.179 | 12.971 |
| -TS lượt người điều trị ngoại trú | 125.790 | 140.944 | 146.141 |
| - Tổng số lần khám | 625.106 | 656.860 | 714.743 |
| - TS lượt cấp cứu nhập viện | 53.427 | 55.839 | 57.908 |
| - Tổng số sanh | 44.675 | 47.695 | 51.244 |
| - Tổng số ca phẫu thuật | 36.494 | 37.194 | 38.704 |
| - Tổng số ca thủ thuật | 79.765 | 84.475 | 84.361 |
| - TS lần xét nghiệm | 3.476.622 | 3.652.060 | 3.853.599 |
| - TS lần X - quang | 50.989 | 51.604 | 52.767 |
| - TS lần siêu âm | 341.764 | 355.518 | 392.784 |

Bên cạnh hoạt động khám chữa bệnh, công tác chỉ đạo tuyến cũng đã được bệnh viện triển khai từ tỉnh đến huyện, xã, thôn bản... giám sát hỗ trợ chuyên môn đào tạo

nâng cao trình độ cán bộ chuyên môn tuyến tỉnh và huyện có đủ khả năng, phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh tại địa phương.

Triển khai Đề án 1816/QĐ- BYT về cử cán bộ chuyên môn luân phiên từ tuyến trên về hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật mổ nội soi trong phụ khoa, cấp cứu tai biến sản khoa... tại các BV đa khoa Tây Ninh, Trảng Bàng, Đăk Lăk. Trong năm 2008, bệnh viện cũng đã tổ chức 12 đoàn khám bệnh ngoại viện tại các Trung Tâm cai nghiện.

Về hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học: bệnh viện ngày càng có nhiều đối tác hợp tác với các nước bạn trong việc đào tạo nguồn nhân lực và triển khai các ứng dụng mới trên thế giới tại Việt Nam. Trong năm 2008 bệnh viện đã xúc tiến với Singapore và Nhật Bản thực hiện các nghiên cứu về ung thư phụ khoa gần như đây là những kỹ thuật tiên tiến nhất trên thế giới.

Hàng năm bệnh viện tổ chức thực hiện từ 20 đến 30 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ và cấp cơ sở, trong đó có nhiều đề tài được ứng dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả thiết thực cho hoạt động chuyên môn.

2.2 Công tác phát triển ứng dụng kỹ thuật chuyên sâu

Là trung tâm thực hiện các kỹ thuật về sinh sản hàng đầu tại Việt Nam và một số nước trong khu vực, sau nhiều năm phát triển đến nay bệnh viện đã ứng dụng một số kỹ thuật chuyên sâu như sau:

a) Về điều trị hiếm muộn vô sinh:

Nhiều kỹ thuật mới phức tạp đòi hỏi trình độ kỹ thuật cao của Thụ tinh ống nghiệm trên thế giới đã được triển khai hiệu quả tại bệnh viện Từ Dũ như: kỹ thuật ICSI với tinh trùng lấy từ mào tinh (MESA), kỹ thuật ICSI với tinh trùng lấy từ tinh hoàn (TESE), đông lạnh phôi, đông lạnh trứng, chuyển phôi, hỗ trợ phôi thoát màng bằng kỹ thuật laser... đã làm cho kết quả điều trị hiếm muộn gia tăng đáng kể.

b) Về nội soi:

Bệnh viện Từ Dũ là đơn vị đào tạo phẫu thuật nội soi trong phụ khoa hàng đầu tại Việt Nam, chứng chỉ phẫu thuật nội soi do bệnh viện Từ Dũ cấp có giá trị tương đương với chứng chỉ phẫu thuật nội soi giai đoạn 1 của đại học Auvergne – Clermont Ferrand (Pháp) cấp có giá trị trên toàn Châu Âu, hiện tại bệnh viện đã thực hiện hầu hết các kỹ thuật nội soi đơn giản trong phụ khoa và từng bước áp dụng một số kỹ thuật khó như nội soi và thai kỳ, nội soi trong ung thư như:

- Áp dụng phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng trong thai kỳ.
- Cắt đốt nội mạc tử cung trên bệnh nhân rong kinh, rong huyết.

c) Về sơ sinh:

Nuôi trẻ sơ sinh cực non bằng phương pháp Kangaroo, tiếp tục khẳng định hiệu quả.

d) Về di truyền – sinh học phân tử:

Lắp đặt hệ thống xét nghiệm tầm soát tăng sản tuyến thượng thận ở trẻ sơ sinh.

Thực hiện PCR giúp phát hiện sớm nhiễm HPV (nguyên nhân chủ yếu gây ung thư cổ tử cung) vào xét nghiệm thường quy, bệnh Thalassémia.

Thực hiện tốt kỹ thuật sinh thiết gai nhau, cấy thành công 6 trường hợp tế bào gai nhau.

Thực hiện thành công xét nghiệm Chlamydia trên phụ nữ mang thai, kỹ thuật Fish chẩn đoán trước sinh rối loạn Nhiễm sắc thể.

Thực hiện thường quy nuôi cấy tế bào máu và dịch ối để phân tích Karyotype.

e) Về siêu âm:

Máy siêu âm 4D để hỗ trợ cho công tác khám tiền sản, giúp chẩn đoán chính xác các dị tật thai.

Siêu âm màu: đo thêm các thông số doppler của động mạch tử cung để chẩn đoán sớm thai chậm tăng trưởng trong tử cung.

2.3 Quy hoạch công tác khám chữa bệnh giai đoạn 2008-2020

a) Phát triển thành bệnh viện Sản - Nhi hiện đại:

Tiếp tục củng cố hoàn thiện các chuyên khoa sâu đã có:

- Điều trị vô sinh - hiếm muộn, phẫu thuật nội soi, chăm sóc và điều trị trẻ sơ sinh cực non < 1500gam, di truyền tế bào, ung thư phụ khoa, chẩn đoán hình ảnh cao cấp.

Hình thành phát triển các chuyên khoa mới:

- Xạ trị, ngân hàng máu công rốn, Khu kỹ thuật chăm sóc sức khỏe sinh sản, khoa điều trị trong ngày, khoa thẩm mỹ - tư vấn dinh dưỡng, khoa sức khỏe người cao tuổi.

b) Dự kiến đến năm 2016: sẽ mở rộng đầu tư cơ sở 2 với quy mô 500 giường tại cụm y tế cửa ngõ thành phố nhằm tổ chức khám chữa bệnh cho số lượng bệnh nhân đến từ các tỉnh giải quyết tình trạng dồn bệnh tại thành phố đồng thời tạo cơ sở vật chất mới để triển khai phát triển hoạt động chuyên môn.

3 Quy hoạch về công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực

3.1 Hiện trạng:

a) Tổ chức bộ máy chuyên môn các Khoa lâm sàng và cận lâm sàng:

| | | | |
|---|----------------------|----|--------------------------|
| | KHOA LÂM SÀNG | 17 | Khoa Cấp cứu chống độc |
| 1 | Khoa Khám Bệnh | | KHOA CẬN LÂM SÀNG |
| 2 | Khoa Sản | 1 | Khoa Dược |
| 3 | Khoa Sản A | 2 | Khoa Xét Nghiệm |

| | | | |
|----|----------------------------|---|--|
| 4 | Khoa Sản E | 3 | Khoa Giải Phẫu Bệnh - Tế Bào Di truyền |
| 5 | Khoa Sản C | 4 | Khoa Chống Nhiễm Khuẩn |
| 6 | Khoa Hậu Phẫu B | 5 | Khoa Chẩn Đoán Hình Ảnh |
| 7 | Khoa Hậu Phẫu | 6 | Khoa Dinh Dưỡng |
| 8 | Khoa Ung Bướu Phụ Khoa | | |
| 9 | Khoa Phụ | | |
| 10 | Khoa PT-GMHS | | |
| 11 | Khoa Hiếm Muộn | | |
| 12 | Khoa KHHGD | | |
| 13 | Khoa Nội Soi | | |
| 14 | Khoa Sơ Sinh | | |
| 15 | Khoa Phục Hồi Chức Năng | | |
| 16 | Khoa Điều Trị Theo Yêu Cầu | | |

b) Nhân sự:

Tổng số nhân viên : 1.862 (biên chế : 1136), có 1.591 nữ (tỷ lệ 85,44%)

| | | |
|-------------------------------|---|---------------------|
| - Bác sĩ | : | 283 |
| - Dược sĩ | : | 12 |
| - Đại học khác | : | 60 |
| - Sau đại học (đã tốt nghiệp) | : | 137 (đang học : 62) |
| - NHS, ĐD, KTV, Y sĩ | : | 923 |
| - Cử nhân NHS, KTV | : | 32 (đang học : 27) |
| - Dược TC, dược tá | : | 28 |
| - Hộ lý + Y công | : | 257 |
| - Nhân viên hành chính + khác | : | 231 |

c) Về đào tạo cán bộ: bệnh viện Từ Dũ luôn quan tâm phát triển nguồn nhân lực tại chỗ, 75% các bác sĩ bệnh viện đã và đang tham gia các lớp sau đại học, hàng năm trung bình có từ 10 – 20 cán bộ công nhân viên chức được đào tạo các khóa ngắn hạn cũng như dài hạn các các nước tiên tiến trên thế giới.

3.2 Quy hoạch giai đoạn 2008-2020

- Hình thành và phát triển thêm các khoa:

- + Khoa Điều trị trong ngày
- + Khoa Thẩm mỹ - tư vấn dinh dưỡng
- + Khoa Sức khỏe người cao tuổi
- + Khu kỹ thuật chăm sóc sức khỏe sinh sản
- + Ngân hàng máu cuống rốn (lưu trữ được 100.000 mẫu máu cuống rốn)
- + Đơn nguyên xạ trị

- Quy hoạch nguồn nhân lực

| TT | Nội dung thông tin | Năm | | | Nhu cầu đến | | |
|-----|--|------|------|------|-------------|------|------|
| | | 2006 | 2007 | 2008 | 2010 | 2015 | 2020 |
| 1 | Tổng số chung | 1722 | 1738 | 1778 | 1892 | 2117 | 2333 |
| 1.1 | Cán bộ có biên chế | 736 | 1028 | 1012 | 1512 | 1697 | 1867 |
| 1.2 | Cán bộ hợp đồng trên 12 tháng | 986 | 710 | 766 | 380 | 420 | 466 |
| 2 | Tổng số cán bộ hệ khám chữa bệnh | 1550 | 1568 | 1654 | | | |
| | Trong đó: | | | | | | |
| 2.1 | Cán bộ chuyên ngành sản phụ khoa | 1222 | 1226 | 1292 | 1050 | 1000 | 1000 |
| 2.2 | Cán bộ chuyên ngành nhi | 91 | 101 | 107 | 200 | 250 | 250 |
| 2.3 | Cán bộ cận lâm sàng | 237 | 241 | 255 | 200 | 250 | 250 |
| 3 | TS cán bộ làm công tác cung ứng thuốc | 46 | 44 | 40 | 200 | 200 | 200 |
| 4 | TS cán bộ làm công tác quản lý y tế | 124 | 127 | 136 | 200 | 200 | 200 |
| 5 | Tỷ lệ cán bộ làm việc đúng chuyên ngành đào tạo | 100% | | | | | |
| 6 | Số cán bộ y tế được tham gia các khoa đào tạo lại theo đúng chuyên ngành đang làm việc | 1378 | 1390 | 1422 | 60 | 90 | 120 |
| 7 | Số cán bộ chuyên môn được tham gia các lớp chuyển giao công nghệ trong nước | 56 | 57 | 49 | 200 | 250 | 300 |
| 8 | Số cán bộ chuyên môn được tham gia các lớp chuyển giao công nghệ ở nước ngoài | 12 | 7 | 15 | 8 | 10 | 15 |

- Quy mô chung về nhân lực y tế

| TT | Loại hình cán bộ | Nhu cầu đến năm | | |
|----|-------------------------|-----------------|-------------|-------------|
| | | 2010 | 2015 | 2020 |
| 1 | Bác sĩ | 320 | 400 | 450 |
| 2 | Dược sĩ đại học | 20 | 30 | 40 |
| 3 | Cử nhân điều dưỡng | 50 | 70 | 90 |
| 4 | Cử nhân kỹ thuật y học | 40 | 50 | 70 |
| 5 | Điều dưỡng trung học | 50 | 80 | 120 |
| 6 | Hộ sinh trung học | 750 | 780 | 800 |
| 7 | Kỹ thuật viên trung học | 70 | 85 | 90 |
| 8 | Dược sĩ trung học | 20 | 25 | 35 |
| 9 | Y sĩ các chuyên ngành | 45 | 55 | 65 |
| 10 | Đại học khác | 70 | 75 | 80 |
| 11 | Trung học khác | 50 | 80 | 90 |
| 12 | Cán bộ khác | 390 | 422 | 433 |
| | Tổng số : | 1875 | 2152 | 2363 |

- Đào tạo cán bộ chuyên môn ngắn hạn (trong nước và ngoài nước)

Bao gồm đào tạo kỹ thuật mới, tham dự hội nghị, hội thảo chuyên đề.

- Đào tạo cán bộ chuyên môn dài hạn (trong nước và ngoài nước)

Để đáp ứng nhu cầu phát triển của bệnh viện từ nay đến năm 2020, bệnh viện phải đầu tư đào tạo nguồn nhân lực trên các lĩnh vực sau:

- + Quản lý bệnh viện.
- + Phẫu thuật nội soi nâng cao.
- + Kỹ thuật mới trong thụ tinh trong ống nghiệm.
- + Di truyền tế bào.
- + Chẩn đoán hình ảnh.
- + Chăm sóc sơ sinh cực non.
- + Dược lâm sàng.
- + Ung thư phụ khoa.
- + Khoa Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ – tư vấn dinh dưỡng

+ Cử nhân điều dưỡng, sau đại học.

Hình thức đào tạo: dài hạn (trong và ngoài nước), ngắn hạn.

Số lượng dự kiến:

| | | |
|----------------------|-------------------------------|--------------------|
| Đào tạo trong nước | - Sau đại học (dài hạn) | : 25 CBCC/năm |
| | - Cử nhân điều dưỡng | : 20 CBCC/năm |
| | - Bồi dưỡng (CM, tin học, QL) | : 500lượt CBCC/năm |
| Đào tạo ở nước ngoài | - Dài hạn | : 10 CBCC/năm |
| | - Ngắn hạn | : 50 CBCC/năm |

Kinh phí: học bổng, tự túc, chương trình dự án.

4 Quy hoạch về công tác trang thiết bị y tế

4.1 Hiện trạng

Trong những năm qua, từ nhiều nguồn kinh phí (ngân sách đầu tư, nguồn sự nghiệp và viện phí) bệnh viện đã nỗ lực đầu tư về trang thiết bị để triển khai phát triển các kỹ thuật chuyên sâu, cũng như từng bước hiện đại hóa trang thiết bị, góp phần nâng cao chất lượng điều trị, giúp cho việc chẩn đoán điều trị được chính xác và kịp thời.

Tuy nhiên cho đến nay cũng còn nhiều thiết bị đã được đưa vào sử dụng trên 10 năm, cần được thường xuyên sửa chữa, thay thế bổ sung. Do đó, trong những năm sau bệnh viện sẽ tiếp tục đầu tư phát triển đổi mới trang thiết bị bằng các nguồn kinh phí cho phép, đồng thời sẽ đẩy mạnh xã hội hoá để trang bị thêm nhiều thiết bị hiện đại, đáp ứng cho các mục tiêu phát triển của bệnh viện.

4.2 Quy hoạch giai đoạn 2008-2020

Danh mục thiết bị y tế: xem phụ lục 1

5 Quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng

5.1 Hiện trạng:

Bệnh viện Từ Dũ được xây dựng từ năm 1937, cơ sở đã qua nhiều lần cải tạo nâng cấp và mở rộng. Tuy nhiên cho đến nay các hạng mục này vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu theo quy chuẩn để phục vụ các nhiệm vụ chuyên môn. Bệnh viện Từ Dũ sẽ triển khai các dự án nâng cấp cải tạo mở rộng để đạt được 1.200 giường bệnh hoàn chỉnh với trang thiết bị hiện đại và đạt chuẩn về thiết kế khoa phòng để đáp ứng được các nhu cầu về chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày càng cao về chất lượng và có đủ cơ sở triển khai ứng dụng kỹ thuật tiên tiến.

a) Vị trí địa điểm và công trình kiến trúc:

Bệnh viện Từ Dũ hiện bao gồm:

- Khu điều trị - số 284 Công Quỳnh – Phường Phạm Ngũ Lão – Quận 1:

Phía Bắc : giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai

Phía Nam: giáp khu dân cư

Phía Đông: giáp đường Lương Hữu Khánh

Phía Tây : giáp đường Cống Quỳnh

Diện tích khuôn viên: 19.464m². Diện tích sàn sử dụng: 31.177 m².

Bao gồm các công trình A,B,C,D,E, H,G, điều trị chuyên sâu, ký túc xá và các khu phụ trợ khác (trạm biến thế, kho, bảo vệ...).

| TT | Tên công trình | Kiến trúc | Số tầng | DT đất xây dựng (m ²) | DT sàn sử dụng (m ²) |
|----|---------------------|---------------------|---------|-----------------------------------|----------------------------------|
| 1 | Khu A | Khung BTCT mái ngói | 3 | 2124 | 6372 |
| 2 | Khu B | Khung BTCT mái ngói | 3 | 943 | 2829 |
| 3 | Khu C | Khung BTCT mái tôn | 3 | 989 | 2967 |
| 4 | Khu D | Khung BTCT mái ngói | 4 | 350 | 1400 |
| 5 | Khu E | Khung BTCT mái ngói | 4 | 585 | 2340 |
| 6 | Khu H | Khung BTCT mái tôn | 5 | 368 | 1840 |
| 7 | Khu G | Khung BTCT mái ngói | 5 | 375 | 1875 |
| 8 | Khu Điều trị ch.sâu | Khung, mái BTCT | 10 | 885 | 8850 |
| 9 | Khu Ký túc xá | Khung, mái BTCT | 5 | 310 | 1550 |
| 10 | Nhà thuốc | Khung BTCT mái ngói | 1 | 48 | 48 |
| 11 | Nhà bảo vệ | Khung, mái BTCT | 1 | 112 | 112 |
| 12 | Nhà biến thế | Khung, mái BTCT | 1 | 14 | 14 |
| 13 | Nhà đại thế | Khung BTCT mái tôn | 1 | 84 | 84 |
| 14 | Nhà xử lý nước thải | Khung BTCT mái tôn | 1 | 102 | 102 |
| 15 | Nhà kho | Khung BTCT mái tôn | 1 | 326 | 326 |
| 16 | Nhà phụ trợ khác | | 1 | 468 | 468 |
| | Tổng cộng | | | 8.083 | 31.177 |

Cơ cấu đất đai hiện trạng:

| TT | Phân loại | DT sử dụng đất (m2) | Tỷ lệ % |
|----|-----------------------------------|---------------------|---------|
| 1 | Diện tích đất xây dựng | 8.083 | 41,52 |
| 2 | Diện tích đất cây xanh | 2.590 | 13,30 |
| 3 | Diện tích đất giao thông, sân bãi | 8.791 | 45,18 |
| | Tổng cộng (diện tích khuôn viên) | 19.464 | 100 |

- Khu khám bệnh - số 227 Công Quỳnh – Phường Nguyễn Cư Trinh – Quận 1:

Tây Bắc : giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai

Tây Nam : giáp đường Công Quỳnh

Đông Bắc : giáp khu dân cư

Đông Nam :giáp khu dân cư

Diện tích khuôn viên: 3.386m². Diện tích sàn sử dụng :3.336m²

Bao gồm các công trình:

| TT | Tên công trình | Kiến trúc | Số tầng | DT đất xây dựng (m2) | DT sàn sử dụng (m2) |
|----|-------------------|---------------------|---------|----------------------|---------------------|
| 1 | Nhà khám phụ khoa | Khung BTCT mái ngói | 2 | 230 | 460 |
| 2 | Nhà khám dịch vụ | Khung BTCT mái ngói | 2 | 285 | 570 |
| 3 | Nhà khám hội chẩn | Khung BTCT mái ngói | 2 | 124 | 248 |
| 4 | Nhà siêu âm | Khung thép, mái tôn | 1 | 320 | 320 |
| 5 | Nhà khám thai | Khung BTCT mái ngói | 4 | 240 | 960 |
| 6 | Nhà KHHGD | Khung BTCT mái tôn | 3 | 244 | 672 |
| 7 | Nhà phụ trợ khác | | 1 | 106 | 106 |
| | Tổng cộng | | | 1.549 | 3.336 |

Cơ cấu đất đai hiện trạng:

| TT | Phân loại | DT sử dụng đất (m2) | Tỷ lệ % |
|----|------------------------|---------------------|---------|
| | Diện tích đất xây dựng | 1.549 | 45,70 |
| | Diện tích đất cây xanh | 557 | 16,40 |

| | | | |
|--|-----------------------------------|-------|-------|
| | Diện tích đất giao thông, sân bãi | 1.280 | 37,90 |
| | Tổng cộng (diện tích khuôn viên) | 3.386 | 100 |

- Khu 191 Nguyễn Thị Minh Khai – Phường Phạm Ngũ Lão - Quận 1 - với diện tích khuôn viên 3.052 m².

b) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

+ Hiện trạng cấp điện:

Nguồn điện được cấp từ hai trạm biến áp:

- Trạm biến áp 1 có công suất 400KVA là loại trạm giàn treo nằm trên đường Nguyễn Thị Minh Khai cấp điện cho một phần khu A và khu khám bệnh.

- Trạm biến áp 2 công suất 1000KVA là loại trạm phòng nằm trong khuôn viên bệnh viện cấp điện cho toàn khu còn lại.

Tất cả mạng lưới điện đi đến các khu nhà trong bệnh viện đều đi nổi.

+ Hiện trạng cấp thoát nước:

Hiện trạng cấp nước:

- Hệ thống cấp nước của bệnh viện Từ Dũ lấy từ nguồn của công ty Cấp nước thành phố thông qua hệ thống đồng hồ lưu lượng gắn tại đầu các khu nhà.

- Nước từ mạng lưới cấp nước thành phố qua đồng hồ tổng (gồm 7 cái) chảy vào các hồ chứa, sau đó được bơm lên các bể chứa nước riêng trên mái nhà của từng khu.

- Hiện tại nhu cầu về nước sạch của bệnh viện vào khoảng 650m³/ngày (khoảng 19.500m³/tháng).

Hiện trạng thoát nước: trong bệnh viện Từ Dũ được chia làm 2 hệ thống thoát nước riêng biệt là hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải:

- Hệ thống thoát nước mưa bao gồm hầu hết là các tuyến cống tròn thoát nước có đường kính từ D600 trở lên và được bố trí dọc theo các dãy nhà các khoa trong bệnh viện. Các ống thoát nước mưa trên mái nhà được nối vào các cống thoát nước mưa trong bệnh viện. Nước mưa trên sân của bệnh viện cũng được các tuyến ống thu gom và dẫn ra hệ thống thoát nước chung của thành phố phía đường Cống Quỳnh.

- Hệ thống thoát nước thải trong bệnh viện được xây dựng từ lâu, đã xuống cấp và hầu hết là ống bê tông có đường kính từ D200 - D300, do vậy lượng nước thất thoát thấm thấu ra ngoài khá lớn. Qua khảo sát thấy lượng nước thải sinh hoạt từ các hầm cầu, lavabo các phòng thí nghiệm, các phòng sanh, phòng mổ... được mạng lưới thu gom dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung ở phía cuối bệnh viện.

c) Hiện trạng diện tích cây xanh, vườn hoa, sân bãi:

Với diện tích đất cây xanh của cả hai khu hiện có là quá nhỏ so với tiêu chuẩn xây dựng. Hơn nữa số cây xanh trong khuôn viên nằm rải rác, phân tán chưa tạo nên khu vực nghỉ ngơi thư giãn cho bệnh nhân và khách, chưa tạo được mỹ quan cần thiết cho bệnh viện.

Do bệnh viện được sửa chữa, cải tạo trong nhiều đợt, chủ yếu là nhằm phục vụ cho nhu cầu diện tích khám chữa bệnh; Vì vậy đường giao thông nội bộ và sân bãi bố trí chưa được thuận lợi và hợp lý. Bệnh viện đang gặp phải khó khăn khi giải quyết vấn đề sân bãi để xe của cán bộ nhân viên của bệnh viện cũng như xe của bệnh nhân.

d) Đánh giá hiện trạng:

+ Ưu điểm:

Bệnh viện nằm ở trung tâm thành phố, giao thông thuận tiện, gần các trung tâm khoa học và bệnh viện lớn khác, rất thuận tiện trong công tác hỗ trợ chuyên môn và phát triển nghiên cứu khoa học.

Tổng mặt bằng bệnh viện được tổ chức có sân trong là lõi bố cục kinh điển của thể loại công trình này. Do quá trình xây dựng và cải tạo kéo dài trong nhiều năm nên hệ thống giao thông liên hệ giữa các bộ phận cũng cần được nghiên cứu cải tạo thuận lợi hơn đặc biệt là cao độ tuyến. Về cơ bản, cách tổ chức tổng mặt bằng nêu trên là phù hợp với yêu cầu chức năng của bệnh viện.

Với sự quan tâm của các cơ quan chức năng, Bệnh viện đã tiến hành sửa chữa, cải tạo một số khu và khoa phòng nhằm đáp ứng tạm thời trong giai đoạn hiện nay luôn trong tình trạng quá tải bệnh nhân.

+ Nhược điểm:

Nhiều công trình đã sử dụng lâu năm, hiện đang xuống cấp. Mặc dù bệnh viện đã nhiều lần cải tạo nâng cấp nhưng diện tích và hệ thống kết cấu bê tông cốt thép có kích thước nhỏ đang là yếu tố cản trở cho việc lắp đặt các trang thiết bị mới. Một số công trình xây cất tạm cần phải dỡ bỏ, để giải phóng mặt đất, tạo điều kiện cho việc cải tạo hệ thống kỹ thuật hạ tầng, tăng thêm diện tích cây xanh đạt tiêu chuẩn cần thiết cho một bệnh viện chuyên khoa đầu ngành nằm trong thành phố.

Khu điều trị chuyên sâu mới được xây dựng chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu chức năng và diện tích của bệnh viện. Cần phải có thêm các công trình mới, hiện đại để bảo đảm phù hợp với mục tiêu của bệnh viện trong giai đoạn sắp tới.

Trang thiết bị còn thiếu và chưa đồng bộ.

Cơ sở hạ tầng hiện đang xuống cấp. Đặc biệt là hệ thống gom nước thải trong quá trình chữa trị bệnh. Hệ thống thu gom và xử lý nước thải phải đầu tư xây dựng mới để xử lý triệt để trước khi đưa vào hệ thống thoát nước chung của thành phố.

Hệ thống cấp điện mới đủ đáp ứng quy mô hiện nay của bệnh viện. Hầu hết mạng lưới truyền dẫn điện trong bệnh viện đều đi nổi là nguy cơ không an toàn trong việc sử dụng và làm mất thẩm mỹ cảnh quan của bệnh viện.

Tỉ lệ diện tích giữa hệ thống đường giao thông nội bộ, sân bãi, cây xanh và diện tích đất chưa phù hợp với tiêu chuẩn xây dựng. Còn thiếu diện tích cây xanh và sân bãi để xe cho cán bộ nhân viên của bệnh viện và người nhà bệnh nhân.

5.2 Quy hoạch giai đoạn 2008-2020

a) Áp dụng tiêu chuẩn xây dựng bệnh viện

Cho đến nay tiêu chuẩn 365:2007 là tiêu chuẩn xây dựng cho bệnh viện đa khoa mà mức tính cao nhất cũng chỉ áp dụng đến loại bệnh viện đa khoa 500 giường, trong khi bệnh viện Từ Dũ là bệnh viện chuyên khoa có qui mô 1200 giường.

Khối điều trị bệnh nhân nội trú phải thiết kế theo đơn nguyên điều trị có quy mô từ 25 đến 30 giường. Để có một bệnh viện với quy mô 1200 giường, cần phải có 40 đơn nguyên điều trị. Mỗi đơn nguyên điều trị gồm có:

- Phòng bệnh nhân và khu sinh hoạt của bệnh nhân
- Các phòng nghiệp vụ của đơn nguyên
- Phòng làm việc, sinh hoạt của nhân viên.

Tổng diện tích sử dụng của bệnh viện Từ Dũ cho quy mô 1200 giường điều trị là 27.144 m² (Đính kèm phụ lục số 1).

Cũng theo TCVN 4451:1987, hệ số mặt bằng K được tính như sau:

$$K = \frac{\text{Diện tích sử dụng}}{\text{Diện tích xây dựng}} = 0,4 - 0,45$$

Hệ số K nói trên được áp dụng cho các công trình nhà ở. Đối với bệnh viện, do các khu phụ (hành lang, cầu thang, thoát hiểm...) chiếm khá nhiều diện tích, vì vậy chỉ lấy hệ số K = 0,4. Với tổng diện tích sử dụng theo tiêu chuẩn là 27.144 m² thì tổng diện tích xây dựng cho khu điều trị nội trú của bệnh viện Từ Dũ có quy mô 1200 giường phải là:

$$\text{Diện tích cần xây dựng} = 27.144 / 0,4 = 67.860 \text{ m}^2.$$

Hiện tổng diện tích sàn sử dụng của các khu nhà A, B, C, E, G và điều trị chuyên sâu hiện nay (các khu có giường bệnh nội trú) là 25.233 m². (Không tính đến Khu D hiện là khu vực hành chánh và khu Làng Hòa Bình là khu vực hiện bố trí chăm sóc cho các trẻ khuyết tật).

Diện tích còn thiếu cho việc bố trí giường bệnh đạt theo tiêu chuẩn quy định là

$$67.860 \text{ m}^2 - 25.233 \text{ m}^2 = 42.627 \text{ m}^2.$$

b) Quy hoạch phát triển bệnh viện theo các giai đoạn:

Để đảm bảo tính ổn định hoạt động và phát triển của bệnh viện cần thực hiện công tác đầu tư theo từng giai đoạn vừa cải tạo, vừa xây dựng thay thế, vừa xây dựng mới cơ sở vật chất đồng thời phải đảm bảo hoạt động của Bệnh viện:

- Việc đầu tư được chia thành các giai đoạn nhằm đảm bảo hoạt động của Bệnh viện (sẽ được thuyết minh cụ thể trong đề án).

- Để giải quyết tình trạng thiếu diện tích sàn sử dụng như hiện nay thì bệnh viện cần thực hiện quy hoạch phát triển cơ sở vật chất theo định hướng như sau:

+ *Giai đoạn 1 (năm 2009 - 2010):*

Tiến hành sửa chữa, cải tạo nâng cấp khu A và xây dựng mới Khoa khám bệnh theo các dự án đã được phê duyệt.

Khu A được triển khai Dự án cải tạo nâng cấp trong năm 2009 chủ yếu sửa chữa cải tạo nội thất các khoa phòng, không có hạng mục xây mới, do đó diện tích sàn sử dụng được giữ nguyên như hiện trạng 16.372m².

Khu khám bệnh đã có dự án xây mới, dự kiến được xây dựng trong năm 2010 có quy mô 1 hầm, 1 trệt, 9 lầu với diện tích sàn sử dụng sau xây dựng 110.907m².

+ *Giai đoạn 2 (năm 2010 – 2011):*

Đầu tư xây dựng Khu Kỹ thuật chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cơ sở 191 Nguyễn Thị Minh Khai có quy mô 02 tầng hầm, 01 trệt và 11 lầu với diện tích sàn xây dựng là 21.500 m² và khu xạ trị có quy mô 04 tầng với diện tích sàn xây dựng là 2.200 m². Do đó, tổng diện tích sàn xây dựng dự kiến là 23.700 m².

+ *Giai đoạn 3 (năm 2012 – 2015):*

Tháo dỡ hai khu B,C để xây dựng mới một tòa nhà với quy mô 1 hầm, 1 trệt, 9 lầu với diện tích sàn sử dụng là 24.314 m² trên nền công trình cũ. Việc xây dựng khu B-C mới có thể bố trí khoảng 400 – 450 giường bệnh nội trú và các khoa cận lâm sàng (Dược, Xét nghiệm, GPB- tế bào, Di truyền...) nhằm phục vụ cho công tác chuyên môn. Việc xây dựng khu B sẽ được thực hiện trước và xây dựng Khu C sau để đảm bảo việc ổn định công tác chuyên môn.

Bên cạnh công tác đầu tư tại chỗ, dự kiến đến năm 2016 sẽ mở rộng đầu tư cơ sở 2 với quy mô 500 giường tại cụm y tế cửa ngõ của thành phố.

+ *Giai đoạn 4:*

Sau khi hoàn tất việc đầu tư xây dựng các công trình mới, bệnh viện tiến hành tháo dỡ các khu phụ trợ để quy hoạch thành các vườn hoa, cây xanh nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn TCVN 4470:1995 về yêu cầu thiết kế như: Mật độ xây dựng: từ 30 - 45% diện tích đất; Diện tích cây xanh trong bệnh viện: từ 40 - 50% diện tích đất (trong thành phố được phép có mật độ cây xanh là 30%); Diện tích đường giao thông nội bộ: từ 20 - 30% diện tích đất.

Các khu khác: Vẫn giữ nguyên hoạt động như trước đây và sẽ được cải tạo sửa chữa nhỏ trong từng thời điểm theo yêu cầu hoạt động của khoa phòng.

c) Quy mô xây dựng

Cơ cấu sử dụng đất của dự án sẽ là:

| | | |
|------------------------------|---|-----------------------|
| Tổng diện tích đất | : | 22.513 m ² |
| Diện tích đất xây dựng | : | 11.353 m ² |
| Diện tích cây xanh | : | 6.812 m ² |
| Diện tích giao thông sân bãi | : | 4.343 m ² |

$$\text{Mật độ xây dựng} = \frac{\text{Diện tích xây dựng}}{\text{Diện tích khu đất}} = \frac{11.353}{22.513} = 50\%$$

$$\text{Tỷ lệ diện tích cây xanh} = \frac{\text{Diện tích cây xanh}}{\text{Diện tích khu đất}} = \frac{6.812}{22.513} = 30\%$$

Như vậy, với việc đầu tư xây dựng mới các khu B-C, khu Phân khoa nữ hộ sinh cùng với việc bố trí hợp lý tỷ lệ cây xanh và mật độ xây dựng theo tiêu chuẩn hiện hành, đề án quy hoạch của bệnh viện Từ Dũ đến năm 2020 sẽ đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của Việt Nam của một bệnh viện chuyên khoa quy mô 1200 giường điều trị.

III. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp về quản lý, chỉ đạo, điều hành, kiện toàn tổ chức và nhân lực.

Nâng cao năng lực quản lý, lập kế hoạch dài hạn, ngắn hạn trong các lĩnh vực hoạt động trình các cấp thẩm quyền phê duyệt...

Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực y tế, thực hiện quản lý các hoạt động của bệnh viện bằng quy định và quy chế ngành đi đôi với việc tăng cường thanh kiểm tra, giám sát hoạt động các khoa phòng.

Thực hiện ISO trong công tác quản lý.

Về đào tạo cán bộ: bệnh viện Từ Dũ luôn quan tâm phát triển nguồn nhân lực tại chỗ, 75% các bác sĩ bệnh viện đã và đang tham gia các lớp sau đại học, hàng năm trung bình có từ 10 – 20 cán bộ công nhân viên chức được đào tạo các khóa ngắn hạn cũng như dài hạn tại các nước tiên tiến trên thế giới.

Củng cố hoàn thiện hệ thống tổ chức, thực hiện chính sách cơ chế quản lý chất lượng, an toàn và hiệu quả trên tất cả các mặt hoạt động của bệnh viện.

Tiêu chuẩn hoá cán bộ y tế theo tiêu chuẩn ngành, lập đề án quy hoạch đào tạo cán bộ y tế đảm bảo số lượng cán bộ, đặc biệt là cán bộ sau đại học, đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu ứng dụng và phát triển khoa học kỹ thuật của bệnh viện.

2. Giải pháp về ứng dụng và phát triển khoa học kỹ thuật

Từ những chuyên khoa đã có, từ nay đến năm 2020 sẽ tiếp tục duy trì và phát triển:

- Thành lập trung tâm huấn luyện và đào tạo chuyên nghiệp về phẫu thuật nội soi trong phụ khoa, nhóm phẫu thuật nội soi chuyên sâu, làm nền tảng để phục vụ công tác phát triển nội soi và đào tạo kỹ thuật cho cả nước và các nước trong khu vực.

- Tăng cường nhân lực, tiếp cận với kỹ thuật mô nâng cao và tiên tiến. Thực hiện trao đổi kinh nghiệm với các đồng nghiệp phẫu thuật nội soi trên thế giới.

- Thực hiện các phẫu thuật nội soi nâng cao: điều trị sỏi tiểu, điều trị lạc nội mạc tử cung ở vách trực tràng-âm đạo, phẫu thuật nội soi trong ung thư phụ khoa...

- Xây dựng Khoa Hiếm muộn thành một trong những trung tâm lớn trong khu vực về dịch vụ, đào tạo và nghiên cứu trên lĩnh vực nội tiết sinh sản và sinh học người.

- Chương trình hỗ trợ sinh sản: phát triển mở rộng cơ sở vật chất và đào tạo thêm nhân sự để trở thành trung tâm lớn nhất về điều trị và đào tạo của cả nước và trong khu vực, tăng số chu kỳ lên 1500 chu kỳ/năm (hiện tại 1.000 chu kỳ/năm, tỷ lệ có thai lâm sàng trên 32%).

- Phát triển và mở rộng Khoa sơ sinh từ 120 giường lên 300 giường. Trong đó, một đơn vị mũi nhọn chuyên sâu mới cần xây dựng là “*Hội sức sơ sinh cực non*” đi cùng với việc xây dựng khu hồi sức sơ sinh hiện đại.

- Điều trị hội chứng suy hô hấp ở trẻ non tháng ngày càng tốt hơn.

- Tiếp tục chương trình phát hiện sớm điều trị kịp thời bệnh lý võng mạc ở trẻ sơ sinh non tháng.

- Áp dụng kỹ thuật sinh học phân tử để chẩn đoán các bệnh lý đơn gen và đột biến gen (Thalassemie, Hémophilia, nhược cơ Duchène, đột biến gen gây tăng nguy cơ ung thư ở người như: BRCA1, BRCA2, p53...).

- Đầu tư phòng thí nghiệm gen và sinh học phân tử hiện đại, triển khai chương trình chẩn đoán tiền sản để phát hiện sớm bất thường bẩm sinh thai nhi ở 3 tháng đầu thai kỳ cho Tp. HCM và 32 tỉnh phía nam, nhằm mục đích hạ thấp tỉ lệ thai bất thường bẩm sinh như dị tật ống thần kinh, bất thường nhiễm sắc thể, bất thường gen.

- Triển khai thủ thuật sinh thiết gai nhau để chẩn đoán sớm bất thường di truyền ở giai đoạn thai 11 – 13 tuần tuổi.

- Triển khai kỹ thuật chẩn đoán lai tại chỗ phát huỳnh quang (FISH), PCR, giải trình tự DNA, microarray cho các trường hợp rối loạn nhiễm sắc thể hoặc đột biến gen, đặc biệt áp dụng ở giai đoạn trước sinh.

- Mở rộng việc tầm soát bệnh sơ sinh: thiếu G6PD, nhược giáp bẩm sinh, tăng sản thượng thận bẩm sinh.

- Tiếp tục mở rộng quy mô và thực hành thường quy các chẩn đoán HPV, Chlamydia, Thalassemia.

- Tiến hành chẩn đoán trước sinh bằng kỹ thuật sinh học phân tử các trường hợp thai có nguy cơ bị nhiễm trùng bào thai như: Toxoplasmosis, Cytomegalovirus, Rubella, Herpes simplex.

- Đầu tư hệ thống sàng lọc và phân tích Karyotype tự động nhằm nâng cao chất lượng và năng suất phục vụ.

- Giải quyết tất cả các bệnh về ung thư phụ khoa: buồng trứng, cổ tử cung, thân tử cung, vú. Thực hiện phẫu thuật, hóa trị, xạ trị, điều trị nội tiết theo chu trình khép kín.

- *Thành lập Phân khoa nhũ với qui mô 100 giường*: tiếp nhận 200 – 400 trường hợp ung thư vú và 500 trường hợp bệnh lý tuyến vú lành tính và thẩm mỹ vú hàng năm.

- *Thành lập khu xạ trị* : để phục vụ các bệnh nhân ung thư vú và các ung thư phụ khoa khác.

- Tư vấn dinh dưỡng: chế độ ăn, tập luyện, thuốc hỗ trợ.

- Vật lý trị liệu: thể dục trị liệu, phục hồi sản chậu sau sanh.

- Phẫu thuật chỉnh hình nữ: ngực, bụng, tầng sinh môn.

3. Giải pháp về đầu tư

Theo chủ trương của ngành y tế thành phố thì giai đoạn đầu tư cần được xác định cho đến năm 2020, nghĩa là thời gian hoàn thành của dự án là 10 -12 năm kể từ năm 2009.

Trên cơ sở hiện trạng của bệnh viện, cần tiến hành phân loại các hạng mục công trình theo các tiêu chí cụ thể (về công năng, chất lượng kiến trúc và kết cấu...), từ đó tiến hành công tác quy hoạch hoàn chỉnh bệnh viện với các mục tiêu sau đây:

- Quy mô 1.200 giường.

- Dây chuyền công năng hiện đại có quy trình hoạt động một chiều theo quy định của Bộ Y tế và phù hợp với điều kiện kiến trúc của thành phố.

- Có hình thức hài hòa với cảnh quan kiến trúc của bệnh viện và khu vực. Phương châm tiến hành là: tiện dụng, bền vững, kinh tế, mỹ quan.

+ Tiến trình đầu tư:

- Cải tạo hệ thống kỹ thuật hạ tầng, đặc biệt là các công trình ngầm (hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, xử lý nước thải, thông tin liên lạc....)

- Trên cơ sở quy hoạch tổng thể, tiến hành cải tạo các công trình với điều kiện công tác cải tạo không làm ảnh hưởng nhiều tới các hoạt động của bệnh viện.

- Chuyển dời các bộ phận chức năng về các vị trí hoạch định, đồng thời với việc tháo dỡ các công trình nhỏ không còn phù hợp.

- Cải tạo hệ thống sân, đường giao thông, cây xanh và các kiến trúc nhỏ khác.

+ Nguồn vốn đầu tư:

Theo nội dung đề xuất của báo cáo quy hoạch bệnh viện Từ Dũ, thì tổng số vốn đầu tư ước tính cho tất cả các giai đoạn là : 650.000.000.000 đồng.

- Đối với các hạng mục xây dựng là : 450.000.000.000 đồng.

Được đầu tư theo từng giai đoạn phát triển của bệnh viện và với cơ cấu nguồn vốn dự kiến là: 50% vốn ngân sách đầu tư; 50% vốn kích cầu. Nguồn vốn đầu tư cho các dự án sẽ được tính toán cho các hạng mục (xây dựng, thiết bị, đào tạo chuyên môn...) từ các nguồn vốn (ngân sách, vay kích cầu, viện trợ, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp...) theo khả năng thích hợp của từng giai đoạn đầu tư. Tuy nhiên, bệnh viện là một đơn vị hành chính sự nghiệp phục vụ sức khỏe cho các đối tượng là sản, phụ, nhi khoa nên bệnh viện đề nghị được ưu tiên đầu tư từ các nguồn vốn ngân sách, kích cầu có hỗ trợ lãi vay từ ngân sách.

- Đối với các hạng mục mua sắm trang thiết bị là : 200.000.000.000 đồng

Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, vốn kích cầu, vốn ngân sách.

Bệnh viện sẽ tính toán cụ thể về cơ cấu nguồn vốn trong quá trình đầu tư từ nguồn ngân sách hoặc nguồn vay kích cầu nhằm đảm bảo tính khả thi của từng dự án.

4 Giải pháp về cơ chế chính sách

4.1 Thực hiện xã hội hóa và dựa một phần vào nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước để xây dựng cơ sở vật chất, phát triển bệnh viện Từ Dũ thành bệnh viện chuyên khoa Phụ Sản hiện đại vào năm 2020 với quy mô 1.200 giường bệnh.

4.2 Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế chuyên sâu giỏi khoa học kỹ thuật ngang bằng với các nước trong khu vực và có phẩm chất đạo đức tốt để chăm sóc sức khỏe cho nhân dân đạt hiệu quả cao nhất.

4.3 Đầu tư trang thiết bị hiện đại để thúc đẩy việc phát triển và ứng dụng thành công các kỹ thuật, các thành tựu khoa học kỹ thuật mới của thế giới, nhằm giữ vai trò chủ đạo của bệnh viện trong ngành sản phụ khoa, không để tụt hậu so với khu vực và thế giới.

4.4 Tăng cường công tác thực hiện các dịch vụ chăm sóc sức khỏe căn bản, giúp đỡ các tỉnh phát triển các chuyên khoa sâu, chuyển giao công nghệ nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, tạo niềm tin cho người dân tại địa phương, góp phần giảm tải lượng bệnh đổ về tuyến thành phố, đồng thời cũng giảm chi phí điều trị, tiết kiệm thời gian, mang lại lợi ích sức khỏe cho người dân và thúc đẩy xã hội phát triển.

4.5 Xây dựng và thực hiện giá thu viện phí phù hợp trên cơ sở tính đúng, tính đủ, nhưng có chính sách cho các đối tượng chính sách và người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi,

thực hiện hạch toán tự thu chi theo Nghị định 43 của Chính phủ; thực hiện tốt Luật Bảo hiểm y tế.

Trên cơ sở đó, góp phần thực hiện thành công chiến lược chăm sóc sức khỏe sinh sản của Bộ Y tế đã được chính phủ phê duyệt.

Về sự phù hợp của quy hoạch phát triển bệnh viện Sản với quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở vật chất ngành y tế đến năm 2020 đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại quyết định số 165/2004/QĐ-UB ngày 02/7/2004 về quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở vật chất thành phố Hồ Chí Minh.

IV. KIẾN NGHỊ

Do công tác cải tạo nâng cấp được thực hiện qua từng giai đoạn trong khoảng thời gian từ 2008 đến 2020, nên vốn thực hiện sẽ được phân thành các giai đoạn tương ứng. Để công tác quy hoạch được khả thi bệnh viện xin kiến nghị :

1- Nguồn vốn đầu tư cho các dự án sẽ được hỗ trợ từ nguồn ngân sách tập trung của thành phố là 50% và vay ngân hàng 50% theo chương trình kích cầu của Thành phố.

2- Được sự quan tâm của các cấp phê duyệt quy hoạch và các dự án xây dựng, mua sắm trang thiết bị để bệnh viện sớm hoàn tất phát triển bệnh viện theo quy hoạch.

V. KẾT LUẬN:

Với chức năng nhiệm vụ là bệnh viện đầu ngành về sản phụ khoa và là tuyến cuối cho tất cả các bệnh viện phụ sản từ Đà Nẵng đến Cà Mau tiếp nhận trung bình trên 700.000 lượt khám chữa bệnh hàng năm, cơ sở vật chất được xây dựng từ năm 1937, đến nay nhiều hạng mục đã cũ, xuống cấp và thiếu, không đáp ứng được yêu cầu về phòng ốc cho bệnh nhân, cho việc triển khai các hoạt động chuyên môn.

Vì vậy, công tác quy hoạch phát triển bệnh viện Từ Dũ là rất cần thiết làm cơ sở cho việc xây dựng các dự án phát triển đầu tư về cơ sở vật chất cũng như chuyên môn nghiệp vụ của bệnh viện trong những năm sau này.

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

BS PHẠM VIỆT THANH